TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2020/DS-ST
Ngày 30 - 9 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Đỗ Quỳnh**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Xuân Vũ;
2. Bà Vũ Thị Hồng.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân *huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà*: Bà Mạc Minh Song, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-TCDS ngày 24 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A
Địa chỉ: Số 02, đường L, phường Th, quận B, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th, chức vụ Tổng giám đốc.
Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Hoàng Ngọc Kh**, Phó giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Lục Yên Bắc Yên Bái.
Địa chỉ: Tổ 06, thị trấn Y, huyện LY, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1988
Địa chỉ: Tổ 07, thị trấn Y, huyện LY, tỉnh Yên Bái. được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Anh Trương Văn D, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 07, thị trấn Y, huyện LY, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.
- Anh Nông Văn X, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Y xã V, huyện LY, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.
- Anh Bùi Văn H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn Y, huyện LY, tỉnh Yên Bái. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 29 tháng 01năm 2019 chị Nguyễn Thị C; địa chỉ tổ 07 thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái có lập hồ sơ đề nghị vay vốn và đã được Agribank chi nhánh huyện Lục Yên Bắc Yên Bái chấp thuận, tiến hành cùng ký kết một số hợp đồng và các giấy tờ liên quan theo quy định của Pháp luật, thỏa thuận lãi trong hạn 9%/năm lãi quá hạn 13,5 %/năm trên nợ gốc. Căn cứ hợp đồng tín dụng số: 29/HĐTD ngày 29 tháng 01 năm 2019 số tiền vay cụ thể như sau:

- Giấy nhận nợ ngày 30/01/2019 đến hạn ngày 30/07/2019 số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỉ đồng).
- Giấy nhận nợ ngày 22/02/2019 đến hạn ngày 22/08/2019 số tiền 1.600.000.000đ (Một tỉ sáu trăm triệu đồng).
- Giấy nhận nợ ngày 21/03/2019 đến hạn ngày 23/09/2019 số tiền 1.000.000.000đ (Một tỉ đồng).
- Giấy nhận nợ ngày 13/05/2019 đến hạn ngày 13/11/2019 số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).
- Tổng số tiền: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng).
- Số tiền gốc còn nợ: 4.700.000.000 đồng (Bốn tỷ bảy trăm triệu đồng).
- Mục đích vay: Mua bán đá bán quý.

Để bảo đảm cho khoản tiền vay vợ chồng chị C đã thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 29/HĐTC ngày 29/01/2019 đã được ký kết giữa Bên thế chấp là bà Nguyễn Thị C cùng chồng là ông Trương Văn D với Agribank chi nhánh huyện Lục Yên Bắc Yên Bái. Các bên chứng thực tại UBND thị trấn Yên Thế, do bà Lê Thị Hương – Phó Chủ tịch đã ký chứng thực ngày 29/01/2019; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 01/HĐSĐBS ngày 01/10/2019 đã được ký kết giữa Bên thế chấp là bà Nguyễn Thị C cùng chồng là ông Trương Văn D với Agribank chi nhánh huyện Lục Yên Bắc Yên Bái. Đã được chứng thực tại UBND thị trấn Yên Thế, do ông Hoàng Sơn Trường – Phó Chủ tịch đã ký chứng thực ngày 01/10/2019.

Tài sản thế chấp bao gồm:

Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất ở tại đô thị; Thửa đất số: 85; Tờ bản đồ số: 09; Địa chỉ thửa đất: Tổ 10 (Nay là tổ dân phố 7), thị trấn Y, huyện LY, tỉnh Yên Bái. Diện tích: 120,5 m^2 . Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị.

Tài sản gắn liền với đất: Loại nhà ở: Nhà xây 1 tầng. Diện tích xây dựng 106 m^2.

Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 754937; Số vào sổ cấp GCN số CH 01427; Nơi cấp: UBND huyện Lục Yên cấp ngày 27/10/2011.

(Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận; Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý: Chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị C CMND số 060831710 địa chỉ tại: Tổ dân phố 10 (nay là tổ dân phố 7), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái theo hồ sơ số 001427.CN.003 ngày 26/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất huyện Lục Yên)

Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất ở tại đô thị: Thửa đất số: 136 ; Tờ bản đồ số: 09 (Tỷ lệ 1/500); Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 10 (Nay là tổ dân phố 7), thị trấn Y, huyện LY, tỉnh Yên Bái. Diện tích: 80,2 m^2. Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị.

Tài sản gắn liền với đất: Loại nhà ở: Nhà xây 1 tầng. Diện tích xây dựng 60,6 m^2.

Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 131189; Số vào sổ cấp GCN số H00895; Nơi cấp: UBND huyện Lục Yên cấp ngày 17/5/2005.

(Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận; Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý: Chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị C CMND số 060831710 địa chỉ tại: Tổ dân phố 7, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái theo hồ sơ số 003626.CN.002 ngày 25/01/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất huyện Lục Yên)

Tài sản thứ ba: Quyền sử dụng đất ở tại đô thị: Thửa đất số: 300; Tờ bản đồ số: 55; địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 10 (Nay là tổ dân phố 7), thị trấn Y, huyện LY, tỉnh Yên Bái. Diện tích: 73 m^2. Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị.

Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 441720; Số vào sổ cấp GCN số CH05787; Nơi cấp: UBND huyện Lục Yên cấp ngày 14/01/2019.

(Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận; Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý: Chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị C CMND số 060831710 địa chỉ tại: Tổ dân phố 7, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái theo hồ sơ số 005518.CN.001 ngày 25/01/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất huyện Lục Yên).

Tính đến ngày 20 tháng 4 năm 2020 chị C đã trả cho Ngân hàng số tiền 444.317.809 đồng (trong đó trả nợ gốc 300.000.000 đồng, trả lãi trên nợ gốc 164.317.809 đồng). Ngân hàng yêu cầu chị C trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử 30 tháng 9 năm 2020 là 5.473.967.945 đồng, gồm nợ gốc 4.700.000.000 đồng và 773.967.945 đồng tiền lãi theo hợp đồng tín dụng 29/HĐTD ngày 29 tháng 01 năm 2019, từ ngày 30 tháng 9 năm 2020 chị C tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa Ngân hàng xuất trình giấy ủy quyền ngày 29-01-2019 giữa anh Trương Văn D và chị Nguyễn Thị C, về việc chịu trách nhiệm chung về khoản nợ đối với Ngân hàng, Ngân hàng bổ sung yêu cầu buộc chị C, anh D thanh toán khoản tiền nợ gốc và lãi như đã nêu trên.

Đối với bị đơn: Tòa án đã tiến hành tống đạt các thông báo giấy triệu tập hợp lệ nhưng chị C không có mặt tại trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án do anh Hoàng Văn X có yêu cầu độc lập với bị đơn Tòa án đã thụ lý yêu cầu theo quy định của pháp luật, việc tranh chấp hợp đồng thuê nhà và bồi thường thiệt hại.

Đối với anh Trương Văn D là chồng chị C liên quan đến hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm khoản tiền vay tại Ngân hàng và hợp đồng ủy quyền liên quan đến nghĩa vụ thanh toán nợ với Ngân hàng. Tòa án triệu tập nhiều lần, anh D không có mặt do đó anh D không thể hiện quan điểm liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Đối với anh Bùi Văn H hiện thuê nhà của chị C, anh D hợp đồng thuê theo tháng, tại bản tự khai ngày 08 tháng 9 năm 2020 anh xác định quyền lợi của anh không bị ảnh hưởng trong việc thuê nhà. Anh tự nguyện tìm chỗ thuê mới và không có yêu cầu gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, triệu tập bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhiều lần, nhưng các đương sự không có mặt để giải quyết vụ án theo yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành lập biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên Tòa vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật cũng như nội dung vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền. Thẩm phán thực hiện việc thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định về trình tự giải quyết vụ án dân sự, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi giải quyết vụ án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ chưa có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Trên cơ sở hợp đồng tín dụng số 29/HĐTD ngày 29 tháng 01 năm 2019, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng đã ký. Bị đơn thực hiện chưa đúng theo thỏa thuận, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thanh toán tổng số tiền 5.473.967.945 đồng bao gồm nợ gốc 4.700.000.000 đồng và 773.967.945 đồng. Trường hợp chậm trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Về án phí, chi phí tố tụng: Nguyên đơn được trả lại án phí đã tạm ứng, bị đơn phải nộp tiền án phí và chi phí xem xét thẩm định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có quyền khởi kiện vụ án theo quy định tại Điều 186; Toà án thụ lý và giải quyết vụ án xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp hợp tín dụng, về thẩm quyền theo lãnh thổ bị đơn chị C trú tại Tổ 07, thị trấn Y, huyện LY, tỉnh Yên Bái được quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ và điều luật áp dụng: Tài liệu chưng cứ mà nguyên đơn cung cấp kèm theo đơn khởi kiện là hợp đồng tín dụng số 29/HĐTD ngày 29 tháng 01 năm 2019; 01 hợp đồng thế chấp 29/HĐTC ngày 29/01/2019.

Thời điểm hai bên ký hợp đồng ngày 29 tháng 01năm 2019 nên Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét, giải quyết vụ án.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã thực hiện đúng, các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn có trả lãi và gốc cụ thể như sau: Ngày 20 tháng 4 năm 2020 trả 20.000.000 đồng tiền gốc, ngày 30/6/2019 trả lãi 74.958.905 đồng đối với số tiền vay 2.000.000.000 đồng; Ngày 30 tháng 6 năm 2019 trả lãi 55.893.150 đồng đối với số tiền vay 1.600.000.000 đồng; Ngày 30 tháng 6 năm 2019 trả lãi 20.150.685 đồng đối với số tiền vay 1.000.000.000 đồng; Ngày 25 tháng 9 năm 2019 trả gốc 280.000.000 đồng, trả lãi 13.315.069 đồng đối với số tiền vay 400.000.000 đồng. Tổng gốc đã thanh toán 300.000.000 đồng, tổng lãi đã thanh toán 169.317.809 đồng. Số tiền bị đơn chưa thanh toán gồm tiền gốc, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 5.473.967.945 đồng *(Năm tỉ bốn trăm bảy mươi ba triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng)* trong đó có nợ gốc 4.700.000.000 đồng và nợ lãi 773.967.945 đồng.

Hợp đồng tín dụng xác lập ngày 29 tháng 01 năm 2019 là hợp đồng vay theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không trái với quy định về lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

"Điều 468. Lãi suất

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực."

Căn cứ hợp đồng tín dụng việc thỏa thuận về lãi suất giữa Ngân hàng và chị C là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trên thực tế bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

[3] Đối với hợp đồng thế chấp tài sản: Hợp đồng thế chấp thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật do đó hợp đồng 29/HĐTC ngày 29/01/2019 đã được ký

kết giữa Bên thế chấp là bà Nguyễn Thị C cùng chồng là ông Trương Văn D với Agribank chi nhánh huyện Lục Yên Bắc Yên Bái là hợp pháp. Ngày 03 tháng 9 năm 2020 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của Ngân hàng, quan xem xét thẩm định tài sản thế chấp giữ nguyên hiện trạng theo hợp đồng thế chấp.

Việc chị C cho anh Hoàng Văn X thuê nhà, mà không thực hiện nghĩa vụ thông báo theo như thỏa thuận với Ngân hàng trong hợp đồng thế chấp, là thực hiện chưa đúng nghĩa vụ của mình. Tòa án đã thụ lý yêu cầu của anh X theo quy định tuy nhiên ngày 17 tháng 8 năm 2020 anh X rút toàn bộ yêu cầu độp lập đối với bị đơn. Tòa án đã đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập số 01/2020/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020. Do anh X đã thảo thuận được với chị C về việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến hợp đồng thuê nhà, việc đình chỉ là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với anh Bùi Văn H thuê nhà của chị C, anh D hợp đồng thuê theo từng tháng, tại bản tự khai ngày 03 tháng 9 năm 2020. Anh Hiếu xác định quyền lợi của anh không bị ảnh hưởng trong việc thuê nhà. Anh tự nguyện tìm chỗ thuê mới và không có yêu cầu gì. Ý kiến của anh Hiếu là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Từ những nhận định nêu trên có đủ căn cứ xác định chị C đã vay còn nợ Ngân hàng số tiền 5.473.967.945 đồng *(Năm tỉ bốn trăm bảy mươi ba triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng)* trong đó có nợ gốc 4.700.000.000 đồng và nợ lãi 773.967.945 đồng theo hợp đồng tín dụng số 29/HĐTD ngày 29 tháng 01 năm 2019, chị C đã không thực hiện đúng thỏa thuận theo thoản thuận tại khoản 2 Điều 5 hợp đồng tín dụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng, do đó có đủ căn cứ khẳng định việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải thanh toán số tiền gốc và lãi còn nợ.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, như đã phân tích tại " đoạn [2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ…."

Buộc chị Nguyễn Thị C, anh Trương Văn D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử 30 tháng 9 năm là tiền 5.473.967.945 đồng *(Năm tỉ bốn trăm bảy mươi ba triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng)* trong đó có nợ gốc 4.700.000.000 đồng và nợ lãi 773.967.945 đồng.

[5] Về chi phí tố tụng: Căn cứ yêu cầu của nguyên đơn Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, số tiền xem xét thẩm định mà nguyên đơn đã nộp là 1.000.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận, do đó bị đơn phải chịu chi phí này. Chị C, anh D có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng số tiền 1.000.000 đồng. Căn cứ số tiền đã chi ngày 03 tháng 9 năm 2020.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C, anh Trương Văn D phải chịu án phí có giá ngạch đối với tổng số tiền 5.473.967.945 đồng *(Năm tỉ bốn trăm bảy mươi ba triệu*

chín trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng). Nguyên đơn được trả lại số tiền án phí đã tạm ứng.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 117, Điều 298, 299, Điều 317, 320, 323, 398, Điều 401, Điều 463, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A

2. Buộc chị Nguyễn Thị C, anh Trương Văn D phải trả cho Ngân hàng A số tiền 5.473.967.945 đồng *(Năm tỉ bốn trăm bảy mươi ba triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng)* trong đó có nợ gốc 4.700.000.000 đồng và nợ lãi 773.967.945 đồng.

Kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2020 đến khi trả xong nợ chị C, anh D còn phải tiếp tục trả lãi đối với Ngân hàng A về số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thoản thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp chị C, anh D không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 29/HĐTC ngày 29/01/2019, hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/HĐSĐBS ngày 01/10/2019 để thu hồi nợ.

3. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị C, anh Trương Văn D có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)* tiền xem xét thẩm định tại chỗ. Căn cứ chi phí xem xét thẩm định ngày 03 tháng 9 năm 2020.

4. Về án phí: Trả lại cho Ngân hàng A 56.505.000, đ *(năm mươi sáu triệu năm trăm linh năm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0004759 ngày 20-02-2020 của Chi cục Thi hành án huyện Lục Yên tỉnh Yên Bái.

Chị Nguyễn Thị C, anh Trương Văn D phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 113.473.900,đ *(Một trăm mười ba triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm đồng).*

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được niêm yết./.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự*

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự"

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- T.H.ADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

Nguyễn Đỗ Quỳnh